TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIÊN DU** TỈNH BẮC NINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2024/DS-ST
Ngày 16/7/2024
V/v: "Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại."

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN DU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lan Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bỉnh Thái và Bà Đào Thị Thu.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Du.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 16/7/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh; xét xử sơ thẩm C khai vụ án thụ lý số: 76/2024/TLST- DS ngày 26 tháng 03 năm 2024, về việc "Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2024/QĐXX-ST ngày 28/6/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1965; HKTT: Thôn T, xã R, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh (Có mặt).

- Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1973 (Có mặt).

2. Anh Nguyễn Đăng C, sinh năm 1993 (Xin xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã R, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

3. Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1996. Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. (Xin xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Trần Thị M, sinh năm 1995. Địa chỉ: Thôn T, xã R, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. (Xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện cùng các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị U trình bày:

Bà và ông Nguyễn Đăng C là chỗ quan hệ quen biết, ông C làm trưởng thôn T, xã R. Ông C nói với bà là gia đình ông C đang khó khăn, cần đến tiền để giải quyết việc riêng của gia đình nên hỏi vay tiền của bà, bà đồng ý cho ông C vay làm nhiều lần với số tiền cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 08/3/2022 bà cho ông C vay 200.000.000 đồng.

Lần 2: Ngày 13/03/2022 bà cho ông C vay 150.000.000 đồng.

Lần 3: Ngày 19/7/2022 bà cho ông C vay 100.000.000 đồng.

Lần 4: Ngày 29/8/2022 bà cho ông C vay 60.000.000 đồng.

Tổng số tiền bà cho ông C vay là 510.000.000 đồng. Tất cả các lần vay tiền trên, bà và ông C đều lập Giấy biên nhận. Trong giấy biên nhận không thể hiện thời gian trả tiền nhưng hai bên có thỏa thuận bằng miệng là cho ông C vay khoảng 1 đến 2 tháng và khi nào bà cần dùng đến tiền thì ông C sẽ trả. Lãi suất: không tính lãi. Sau khi cho ông C vay tiền, nhiều lần bà đòi nhưng ông C đều khất và hẹn khi nào bán được đất sẽ trả. Tháng 12/2022 ông C chết. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông C gồm vợ và con của ông C là bà Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Đăng C và chị Nguyễn Thị M.

Tài sản của ông Nguyễn Đăng C để lại hiện nay là 01 thửa đất có diện tích 210m^2, trên thửa đất có 01 ngôi nhà 3 tầng tại thôn T, xã R, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Hiện bà L và anh C đang quản lý.

Nay bà đề nghị bà Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Đăng C và chị Nguyễn Thị M phải thực hiện nghĩa vụ thay ông C để trả cho bà với tổng số tiền gốc là 510.000.000 đồng, tiền lãi bà không yêu cầu.

Về chi phí giám định: Bị đơn phải chịu chi phí giám định theo quy định.

Về án phí: Theo quy định pháp luật.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:* Bà là vợ của ông Nguyễn Đăng C. Vợ chồng bà sinh được 02 người con là anh Nguyễn Đăng C, sinh năm 1993 và chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1996. Nay bà Nguyễn Thị U khởi kiện gia đình đề nghị trả số tiền 510.000.000 (Năm trăm mười triệu) đồng thay ông C, chồng bà đã mất năm 2022, bà xác định không biết việc ông C vay tiền của bà U và cũng không biết ông C sử dụng số tiền đã vay vào việc gì, bà cũng không ký vào giấy vay tiền nên bà không đồng ý trả nợ. Bà xác định từ năm 2022 đến nay gia đình

bà không xây dựng nhà cửa hay mua đất hay làm C việc gì sử dụng đến số tiền lớn như vậy, nên đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hiện nay gia đình bà có tài sản là thửa đất số 23, tờ bản đồ số 5, diện tích 210m^2 tại xóm Giữa, thôn T, xã R, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Nguyễn Đăng C vào năm 2001. Thời điểm đó hộ gia đình bà gồm có: Ông Nguyễn Đăng C, bà Nguyễn Thị L, con Nguyễn Đăng C và con Nguyễn Thị M. Trên thửa đất có 01 ngôi nhà 3 tầng xây dựng năm 2015. Chồng bà mất đột ngột nên không để lại di chúc. Ngôi nhà do cả gia đình bà cùng nhau góp tiền xây dựng, đến năm 2020 thì con gái là Nguyễn Thị M đi lấy chồng, con trai là Nguyễn Đăng C lấy vợ tên Trần Thị Mừng năm 2015, hiện nay chị Mừng đang sống cùng bà trên thửa đất.

** Bị đơn anh Nguyễn Đăng C trình bày:* Bố anh là Nguyễn Đăng C vay của bà Nguyễn Thị U số tiền 510.000.000 đồng, anh và gia đình không biết, việc bố anh vay tiền và sử dụng vào mục đích gì gia đình cũng không biết. Đối với thửa đất số 23, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông Nguyễn Đăng C gồm có: Ông C, bà L, anh và em M. Thửa đất trên gia đình chưa chuyển nhượng cho bất kỳ ai, trên đất có 01 ngôi nhà 3 tầng xây dụng năm 2015. Năm 2022, bố anh mất không để lại di chúc. Ngôi nhà xây dựng từ đầu năm 2015, ngôi nhà đang được hoàn thiện phần thô, anh lấy vợ là chị Trần Thị Mừng vào tháng 9 năm 2015. Ngôi nhà do cả gia đình góp tiền xây dựng. Năm 2020, em gái anh là chị M lấy chồng ở Thôn Lương, xã Tri Phương, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

Gia đình anh có đất nông nghiệp tuy nhiên đã bị thu hồi làm các dự án hết. Về phần đất dân cư dịch vụ gia đình anh được cấp 69,4 m^2 tuy nhiên gia đình đã bán năm 2019. Gia đình anh không còn tài sản nào khác. Nay bà U yêu cầu mẹ con anh phải trả số tiền 510.000.000 đồng anh không đồng ý trả, do anh và gia đình không biết bố anh vay số tiền này, cũng không biết số tiền bố anh vay sử dụng vào việc gì, anh và gia đình không được sử dụng số tiền này. Anh đề nghị Toà án căn cứ pháp luật giải quyết.

** Bị đơn chị Nguyễn Thị M bày:* Chị là con gái của ông Nguyễn Đăng C và bà Nguyễn Thị L. Bố mẹ chị sinh được 02 người con gồm có anh Nguyễn Đăng C và chị. Bố chị mất năm 2022, khi mất không để lại di chúc.

Chị đã được Toà án nhân dân huyện Tiên Du thông báo đối với yêu cầu khởi kiện của bà U, quan điểm của chị là không biết gì về việc vay nợ số tiền là 510.000.000 (Năm trăm mười triệu) đồng, chị không biết việc bố chị đã vay tiền của bà U sử dụng vào việc gì. Chị xác định tài sản chung của gia đình chị chỉ còn tài sản là thửa đất số 23, tờ bản đồ số 5, diện tích 210m^2 tại xóm Giữa, thôn

T, xã R, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Nguyễn Đăng C. Trên thửa đất có 01 ngôi nhà 3 tầng xây dựng năm 2015. Ngôi nhà do cả gia đình góp tiền vào xây dựng, đến năm 2020 thì chị đi lấy chồng. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà U, quan điểm của chị là không biết gì về việc vay nợ nên không đồng ý trả nợ. Đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Mừng trình bày:*

Chị kết hôn với anh Nguyễn Đăng C năm 2015, sau khi kết hôn chị về chung sống cùng gia đình nhà anh C tại xóm Giữa, thôn T, xã R, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Gia đình chị chung sống trên thửa đất số 23, trên đất có 01 ngôi nhà 03 tầng xây dựng từ năm 2015, khi chị về chung sống ngôi nhà đã được hoàn thiện xong phần thô, sau đó chị có đóng góp hoàn thiện ngôi nhà là tiền mọi người mừng đám cưới cho vợ chồng chị số tiền 100.000.000 đồng. Ngôi nhà là do cả gia đình góp tiền xây dựng.

Nay bà U yêu cầu gia đình chị phải trả số tiền 510.000.000 đồng chị không đồng ý, do gia đình không biết bố chị vay số tiền này và cũng không biết số tiền bố chị vay sử dụng vào việc gì, chị và gia đình không được sử dụng số tiền này, cũng không biết ông C trả chưa, chị đề nghị Toà án căn cứ pháp luật giải quyết.

Tại phiên toà, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn giữ nguyên lời trình bày.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du phát biểu ý kiến đã đánh giá việc tU theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của các đương sự từ thời điểm thụ lý đến trước thời điểm HĐXX nghị án là đúng quy định pháp luật.

Quan điểm giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147 BLTTDS; Căn cứ các Điều 288, 357, 463, 466, 612, 613, 614, 615, 650, 651, 658 BLDS năm 2015; Các Điều 97, 100, 143 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Toà án, Đề nghị HĐXX:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bà L, anh C, chị M phải có trách nhiệm trích trong phần di sản của ông C để trả cho bà U số tiền 510.000.000 đồng.

+ Bị đơn phải chịu án phí DSST, chi phí giám định theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị U khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu bà Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Đăng C và chị Nguyễn Thị M là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất và là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Đăng C phải trả số tiền vay 510.000.000 đồng, việc vay nợ giữa ông C và bà U có các Giấy biên nhận nợ.

Bị đơn có hộ khẩu tại xã R huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Toà án xác định quan hệ tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại và căn cứ các Điều 26, 35, 39 BLTTDS để thụ lý, giải quyết là đúng quy định pháp luật.

Bị đơn anh C, chị M và người có quyền lợi chị Mừng đã có đầy đủ lời khai và có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy Toà án xét xử vắng mặt đương sự theo Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị U đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Đăng C và chị Nguyễn Thị M là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất hiện quản lý di sản của ông Nguyễn Đăng C để lại có trách nhiệm phải thực hiện nghĩa vụ cho ông C, cụ thể trả cho bà U số tiền 510.000.000 đồng. Bà U cung cấp giấy biên nhận thể hiện bà U cho ông C vay số tiền cụ thể các lần như sau: Ngày 08/3/2022 cho vay 200.000.000 đồng. Ngày 13/03/2022 cho vay 150.000.000 đồng. Ngày 19/7/2022 cho vay 100.000.000 đồng và ngày 29/8/2022 cho vay 60.000.000 đồng.

Tòa án tiến hành giám định chữ ký của ông Nguyễn Đăng C trên 04 Giấy biên nhận tiền. Tại kết luận giám định số 1399/KL-KTHS ngày 07/6/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự C an tỉnh Bắc Ninh kết luận: "Chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Đăng C dưới các mục "người vay", "người vay tiền" trên các tài liệu cần giám định so với chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Đăng C trên tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người viết, ký ra.

Như vậy xác định các giấy vay tiền có chữ ký bên người vay đều do ông C ký. Bà L cùng các thành viên gia đình không có ý kiến gì về giấy vay tiền giữa bà U và ông C, chỉ không đồng ý trả nợ do không biết việc ông C vay tiền để sử dụng vào mục đích gì và gia đình không được sử dụng tiền vay từ ông C. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xác định hợp đồng vay nhận nợ được lập thành văn bản,

có đầy đủ, đúng chữ ký của các bên, thể hiện sự tự nguyện của các bên khi giao kết, không bị ép buộc, lừa dối nên đây là hợp đồng hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ khi giao kết hợp đồng giữa ông C và bà U. Do vậy ông C phải có nghĩa vụ trả số tiền 510.000.000 đồng cho bà U.

Về thời hạn trả tiền: Trên giấy biên nhận không thể hiện thời hạn trả tiền, bà U trình bày ông C nói vay từ 1 đến 2 tháng thì trả lại và nếu cần thì bà U báo trước cho ông C, tuy nhiên sau đó nhiều lần bà U có đòi tiền nhưng ông C không trả. Ngày 01/12/2022 thì ông C chết.

Xét hàng thừa kế của ông C thì thấy: Bố mẹ ông C đều đã chết trước ông C, hàng thừa kết thứ nhất của ông C gồm có: Bà Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Đăng C, chị Nguyễn Thị M. Khi ông C chết không để lại di chúc. Tài sản ông C để lại là một phần trong thửa đất số 23, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2001 mang tên hộ ông Nguyễn Đăng C, trên đất có 01 ngôi nhà 3 tầng và các C trình phụ; được các bị đơn đều thừa nhận đang quản lý, sử dụng, chưa chuyển nhượng cho ai. Toà án tiến hành xác M các tài sản của ông C trong hộ gia đình chỉ còn duy nhất thửa đất số 23 và 01 ngôi nhà 3 tầng, cùng các tài sản gắn liền với đất là tài sản chung mang tên hộ ông C gồm có: bà L, anh C, chị M. Ngoài ra chị Mừng là vợ anh C có đóng góp khoảng hơn 100.000.000 đồng xây dựng tài sản ngôi nhà 3 tầng, tổng giá trị tài sản đất và tài sản gắn liền với đất theo kết quả của Hội đồng định giá tại thời điểm ngày 13/3/2024 trị giá: 4.156.639.000 đồng, hiện tại tài sản vẫn chưa được thi hành án.

HĐXX xét thấy: Theo quy định tại điều 615 BLDS năm 2015 quy định: "Những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại, trừ trường hợp có thoả thuận khác". Trong vụ án những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông C và hàng thừa kế thứ nhất gồm: Bà L, anh C và chị M có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà U theo các giấy vay tiền nêu trên. Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông C đều trình bày không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không đồng ý trả tiền cho bà U do không biết việc vay nợ giữa bà U và ông C là không có căn cứ. Tuy nhiên cần xác định di sản của ông C trong khối tài sản chung của gia đình; ông C có một phần trong khối tài sản chung là thửa đất số 23 tờ bản đồ số 05 diện tích 210m^2 tại thôn T, xã R, Tiên Du, Bắc Ninh, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2001 mang tên hộ ông Nguyễn Đăng C. Do vậy xác định phần di sản của ông C để lại là ¼ giá trị thửa đất tương đương với 648.000.000 đồng. Trên đất có 01 ngôi nhà 3 tầng các đương sự đều xác định là tài sản chung của gia đình bao gồm cả chị Mừng. Nên cần xác định phần di sản của ông C để lại trong khối tài sản trên đất là 312.927.800 đồng.

Từ những phân tích nhận định nêu trên HĐXX xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận, do đó cần buộc bị đơn bà L, anh C, chị M phải có nghĩa vụ trích trong phần di sản của ông C để thanh toán khoản nợ cho bà U với tổng số tiền là 510.000.000 đồng.

-Về lãi suất: Bà U không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Chi phí trưng cầu giám định chữ ký: Bị đơn phải chịu chi phí trưng cầu giám định, xác định bà U đã nộp số tiền này nên bị đơn có nghĩa vụ trích trả trong kỷ phần của ông C để trả cho bà U số tiền 6.000.000 đồng.

[3] Xét lời đề nghị của đại diện VKS nhân dân huyện Tiên Du là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự. Bị đơn phải chịu án phí DSST và trích trong phần di sản của ông C để lại.

V*ì các lẽ trên;*

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 157, 158, 165, 166, 227, 228, 235, 244, 262, 264, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 274, 275, 276, 288, 357, 463, 466, 468, 612, 613, 615, 650, 651, 658 Bộ Luật dân sự;

Căn cứ các Điều 97, 100, 143 Luật đất đai 2013;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị U.

2. Xác định di sản của ông Nguyễn Đăng C để lại là ¼ giá trị tài sản gồm thửa đất số 23 tờ bản đồ số 05 diện tích 210m^2 và 1/5 giá trị ngôi nhà 3 tầng tại thôn T, xã R, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh mang tên hộ ông Nguyễn Đăng C, cùng các tài sản trong khối tài sản chung được các đương sự xác lập tại thời điểm định giá ngày 13/3/2024 là: 960.927.800 đồng**.**

Buộc hàng thừa kế thứ nhất đồng thời là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông C là bà Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Đăng C và chị Nguyễn Thị M có nghĩa vụ phải trả bà Nguyễn Thị U số tiền 510.000.000 đồng trong phạm vi giá trị phần di sản của ông C để lại.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, người phải thi hành án không tự nguyện thi hành thì phải chịu

lãi suất tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành xong.

3. Về chi phí giám định: Bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí giám định. Xác nhận bà U đã nộp 6.000.000 đồng tiền chi phí giám định do vậy các đồng bị đơn phải có trách nhiệm trích trong kỷ phần của ông C để trả cho bà U số tiền 6.000.000 đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Các đồng bị đơn phải chịu 24.400.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và trích trong phần di sản của ông C để nộp ngân sách nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh BN;*
- *VKS huyện Tiên Du;*
- *THA DS huyện Tiên Du;*
- *Đương sự;*
- *Người tham gia tố tụng;*
- *Lưu hồ sơ.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Lan Hương